

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 50/2024/DS-PT

Ngày: 29 - 3 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa:* Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Bình

Ông Phạm Tiến Hiệp

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Tâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và ngày 29 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLPT-DS ngày 23/01/2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ch bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐ-PT ngày 04/3/2024, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Trần Thị Th, sinh năm 1977; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố 5, phường H, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước (có mặt)

2. **Bị đơn:**

2.1. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1988; Địa chỉ cư trú: Tổ 1, Khu phố 5, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

2.2. Ông Nguyễn Bá T, sinh năm 1984; Địa chỉ cư trú: Khu phố 4, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước (vắng mặt)

**Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Bá T:** Ông Nguyễn Đỗ M, sinh năm 1977; Địa chỉ: 702/50A L, phường 15, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông Nguyễn Bá T:* Luật sư Trần Thái B – Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ: Văn phòng luật sư Tr, số 129 D, phường 7, quận G, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt)

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Xuân Th, sinh năm 1976; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố 5, phường H, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước. (có mặt)

*Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Bá T.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn Bà Trần Thị Th trình bày:***

Vào ngày 18/7/2022, vợ chồng bà Th cho vợ chồng bà D, ông T vay 04 khoản tiền và làm 04 hợp đồng vay, bao gồm: 1.470.000.000 đồng,; 1.500.000.000 đồng; 400.000.000 đồng; 1.300.000.000đ đồng. Tổng 4 khoản vay này là: 4.670.000.000 đồng. Các khoản vay trên đều thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn vay là 1 tháng. Ngày 25/7/2022, vợ chồng bà Th cho vợ chồng bà D, ông T vay tiếp số tiền 800.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, thời hạn trả nợ ngày 26/7/2022; Ngày 29/7/2022, vợ chồng bà Th cho vay thêm số tiền 500.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 3%/tháng, hẹn trả gốc, lãi vào ngày 03/8/2022. Tổng cộng vợ chồng bà Th cho vợ chồng bà D, ông T vay số tiền là: 5.970.000.000 đồng. Vợ chồng bà D, ông T đã trả được số tiền nợ gốc là 1.170.000.000 đồng, còn nợ lại là: 4.800.000.000 đồng. Khi vay thì vợ chồng bà D, ông T thế chấp 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng bà D, ông T nhận chuyển nhượng nhưng chưa là thủ tục để sang tên, bao gồm: Thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 1010,7m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước mang tên bà Nguyễn Thị Tường V , ông Lê Quốc C (ông C , bà V ủy quyền cho ông Lê Kim Long) và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 3, diện tích 205,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước mang tên ông Vòng Công N, bà Chương Thị L (ủy quyền cho ông Lê Văn M ).

Do đến hạn trả nợ nhưng bà D, ông T không trả nên bà Th đề nghị giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng bà Th số tiền còn nợ gốc là 4.800.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Trong trường hợp ông T, bà D không trả thì bà Th yêu cầu phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất các thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 1010,7m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Tường V, ông Lê Quốc C (ông C , bà V ủy quyền cho ông Lê Kim Long) và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 3, diện tích 205,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ quyền là ông Vòng Công N, bà Chương Thị L (ủy quyền cho ông Lê Văn M ) để trả số tiền vay trên cho bà Th. Trong trường hợp

phát mãi tài sản trên không đủ để trả khoản vay trên thì ông T, bà D phải tiếp tục trả cho bà Th số tiền còn lại.

***Bị đơn Bà Nguyễn Thị D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:***

Bà D thống nhất có vay của vợ chồng bà Th, ông Th tổng số tiền là 5.970.000.000 đồng và có viết các Giấy vay tiền, sau đó bà Th đã trả được số tiền gốc 1.170.000.000 đồng, khi vay Bà D có đưa 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng bà D, ông T nhận chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục sang tên, bao gồm: Thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 1010,7m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước mang tên bà Nguyễn Thị Tường V, ông Lê Quốc C (ông C, bà V ủy quyền cho ông Lê Kim Long) và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 3, diện tích 205,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước mang tên ông Vòng Công Năm cho bà Th để bảo đảm việc trả nợ cho bà Th. Bà D đồng ý trả cho Bà Trần Thị Th khoản tiền vay gốc còn nợ là 4.800.000.000 đồng, tuy nhiên không thống nhất việc bà Th yêu cầu ông T phải liên đới trả nợ cùng vì không liên quan đến ông T. Việc bà Th yêu cầu phát mãi tài sản là 02 thửa đất thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

***Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Nguyễn Bá T là Ông Nguyễn Đỗ M trình bày:***

Ông T hoàn toàn không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của bà Th, cụ thể ông T không đồng ý liên đới với Bà D trả nợ cho bà Th, cũng không đồng ý phát mãi 02 thửa đất như yêu cầu của bà Th vì ông T không vay tiền của bà Th, còn Bà D có vay tiền của bà Th hay không, có thể chấp 02 Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T và Bà D nhận chuyển nhượng nhưng chưa làm thủ tục sang tên cho bà Th hay không thì ông T cũng không biết.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ông Nguyễn Xuân Th trình bày:***

Thống nhất với ý kiến trình bày của Bà Trần Thị Th, đề nghị Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông T, bà D phải có nghĩa vụ liên đới trả cho vợ chồng ông Th số tiền còn nợ là 4.800.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi. Trong trường hợp ông T, bà D không trả thì đề nghị phát mãi tài sản là quyền sử dụng đất các thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 1010,7m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 3, diện tích 205,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước để trả số tiền vay. Trong trường hợp phát mãi tài sản trên không đủ để trả khoản vay trên thì ông T, bà D phải tiếp tục trả số tiền còn lại.

*Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ch đã quyết định:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Bá T .

Buộc Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Trần Thị Th , Ông Nguyễn Xuân Th số tiền nợ gốc 4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Th về việc xử lý tài sản thế chấp là 02 thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 1010,7m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Tường V, ông Lê Quốc C (ông C , bà V ủy quyền cho ông Lê Kim Long) và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 3, diện tích 205,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ quyền là ông Vòng Công N, bà Chương Thị L (ủy quyền cho ông Lê Văn M ) đã được ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà Duyên, ông T .

Buộc Bà Trần Thị Th trả lại cho bà D, ông T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 807042 mang tên ông Vòng Công N, bà Chương Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 329112 mang tên Nguyễn Thị Tường V .

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 26/12/2023, bị đơn ông Nguyễn Bá T nộp đơn kháng cáo yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ch theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Bá T phải liên đới trả nợ cùng bà D trả số tiền 4.800.000.000 đồng. Tuyên giấy mua bán nhà ghi ngày 03/10/2022 vô hiệu do vi phạm nội dung và hình thức.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

- Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn rút yêu cầu kháng cáo đối với nội dung Tuyên giấy mua bán nhà ghi ngày 03/10/2022 vô hiệu do vi phạm nội dung và hình thức và giữ nguyên nội dung kháng cáo đề nghị Toà án sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Bá T phải liên đới trả nợ cùng bà D số tiền 4.800.000.000 đồng.

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Với những chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T làm trong thời hạn luật định, hình thức và nội dung phù hợp các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên cần xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

[2.1] Đối với nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án tuyên giấy mua bán nhà ghi ngày 03/10/2022 vô hiệu do vi phạm nội dung và hình thức. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn rút yêu cầu kháng cáo đối với yêu cầu này nên Hội đồng xét xử không xem xét cần phải đình chỉ xét xử phúc thẩm về yêu cầu “Tuyên giấy mua bán nhà ghi ngày 03/10/2022 vô hiệu do vi phạm nội dung và hình thức”.

[2.2] Đối với nội dung kháng cáo đề nghị Tòa án sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Bá T phải liên đới trả nợ cùng bà D số tiền 4.800.000.000 đồng. Hội đồng xét xử, xét thấy:

Căn cứ nội dung 03 Giấy cho vay tiền ngày 18/7/2022 (bút lục 152, 153, 154), Giấy cho vay tiền ngày 25/7/2022 (bút lục 150), Giấy cho vay tiền ngày 29/7/2022 (bút lục 149), thể hiện Bà Nguyễn Thị D có vay của Bà Trần Thị Th tổng số tiền là 5.970.000.000 đồng và căn cứ vào lời thừa nhận của bà Duyên. Đồng thời, bà Th cũng thống nhất Bà D đã trả được số nợ gốc là 1.170.000.000 đồng, số tiền còn nợ lại là 4.800.000.000 đồng. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án xác định đây là sự thật các đương sự không phải chứng minh.

Đến nay bà D vẫn chưa trả số tiền 4.800.000.000 đồng cho bà Th. Do vậy, bà Th khởi kiện yêu cầu Bà D và ông T có trách nhiệm liên đới cho cho bà Th số tiền 4.800.000.000 đồng và không yêu cầu trả lãi.

Phía bị đơn ông T không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Th vì lý do ông T không vay và không biết về khoản vay này. Xét thấy, các Giấy vay tiền ngày 18/7/2022, ngày 29/7/2022, ngày 25/7/2022 chỉ thể hiện Bà D ký nhận vay tiền. Phía bà Th, ông Th thì khẳng định khi vay và nhận tiền vay thì có mặt hai vợ chồng ông T, bà D cùng đến.

Tuy nhiên, căn cứ giấy chứng nhận kết hôn (bút lục số 115) thể hiện bà D và Ông T đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2021 và các Giấy vay tiền ngày 18/7/2022, ngày 29/7/2022, ngày 25/7/2022 Bà D vay tiền của bà Th là trong thời kỳ hôn nhân.

Mặc dù, ông T trình bày không biết việc Bà D vay tiền của bà Th nhằm mục đích gì. Tuy nhiên, theo lời khai của Bà D tại phiên tòa sơ thẩm thì Bà D vay tiền mục đích để cho người khác vay lại lấy tiền lãi dùng chi tiêu, mua sắm trong gia đình. Hơn nữa, căn cứ vào nội dung Giấy bán nhà ngày 03/10/2022 (bút lục số 148) do ông T viết có nội dung: *“Tôi tên Nguyễn Bá T cùng vợ là Nguyễn Thị D...tôi đồng ý cho vợ tôi ký chuyển nhượng cho anh Th, chị Th 02 lô đất trên, giấy này có hiệu lực khi vợ chồng tôi cùng ký tôi có trách nhiệm ký cùng vợ trong hợp đồng chuyển nhượng”*.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T cũng như người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của ông T trình bày ông T bị đe dọa, ép buộc nên phải viết Giấy bán nhà ngày 03/10/2022. Tuy nhiên, ông T không có tài liệu, chứng cứ nào chứng minh bị đe dọa hay ép buộc. Ngoài ra, ông T trình bày có làm đơn tố cáo gửi cơ quan Công an nhưng Căn cứ Công văn số 1188/ĐTTH ngày 02/11/2023 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Ch (bút lục số 132) xác định thì từ ngày 04/10/2022 cho đến nay thì không nhận được đơn tố cáo của ông Nguyễn Bá T tố cáo việc bị đe dọa viết giấy bán nhà ngày 03/10/2022. Mặt khác, Biên bản đối chất ngày 04/7/2023, ông T xác định *“Giấy bán nhà ngày 03/10/2022 do chính tôi viết và ký tên nhưng tôi viết là do tôi bị ép buộc, cụ thể ông Thanh, bà Th đưa rất nhiều người đến đe dọa buộc phải viết, khi này có một mình tôi ở nhà và con gái nhỏ 16 tuổi ở nhà nên tôi sợ, tôi có gọi công an Minh Thành đến nhưng khi công an đến họ cũng khuyên các bên thương lượng với nhau rồi họ về, khi công an về thì tôi mới viết giấy bán nhà này”* như vậy, việc ông T bị ép buộc là không có cơ sở.

Như vậy, có căn cứ ông T biết việc Bà D vay tiền của bà Th và cam kết ký chuyển nhượng 02 thửa đất để trả nợ, cũng như việc Bà D vay tiền từ bà Th nhằm mục đích cho vay lại để hưởng lợi hưởng tiền chênh lệch nhằm phục vụ cho nhu cầu thiết yếu của gia đình. Hơn nữa số tiền bà D vay của bà Th là số tiền rất lớn.

Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào khoản 20 Điều 3, Điều 25 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định đây là khoản nợ chung của vợ chồng Ông T bà D nên cần buộc ông T có trách nhiệm liên đới với Bà D trả cho vợ chồng bà Th số tiền nợ 4.800.000.000 đồng là có căn cứ pháp luật. Do vậy, kháng cáo của Ông T không có căn cứ nên không có cơ sở chấp nhận cản giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Bá T. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 66/2023/DS-ST ngày 12/12/2023 của Tòa án nhân dân thị xã Ch , tỉnh Bình Phước;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 280, Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, khoản 1, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 167 Luật đất đai năm 2013; Khoản 20 Điều 3, Điều 27 và Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Th về tranh chấp hợp đồng vay tài sản đối với Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Bá T.

Buộc Bà Nguyễn Thị D và ông Nguyễn Bá T có nghĩa vụ liên đới trả cho Bà Trần Thị Th, Ông Nguyễn Xuân Th số tiền nợ gốc 4.800.000.000 đồng (Bốn tỷ tám trăm triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Trần Thị Th về việc xử lý tài sản thế chấp là 02 thửa đất số 189, tờ bản đồ số 3, diện tích 1010,7m<sup>2</sup>, địa chỉ đất: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ quyền sử dụng đất là bà Nguyễn Thị Tường V , ông Lê Quốc C (ông C, bà V ủy quyền cho ông Lê Kim Long) và thửa đất số 564, tờ bản đồ số 3, diện tích 205,5m<sup>2</sup>, địa chỉ: khu phố 2, phường M, thị xã Ch, tỉnh Bình Phước đứng tên chủ quyền là ông Vòng Công N, bà Chương Thị L (ủy quyền cho ông Lê Văn M) đã được ký kết hợp đồng chuyển nhượng cho bà Duyên, ông T .

Buộc Bà Trần Thị Th trả lại cho bà D, ông T 02 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 807042 mang tên ông Vòng Công N, bà Chương Thị L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BM 329112 mang tên Nguyễn Thị Tường V . Đồng thời Ông Nguyễn Xuân Th , Bà Trần Thị Th có quyền yêu cầu xử lý tài sản là hai thửa đất nêu trên theo pháp luật Thi hành án dân sự.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án nộp đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

## 2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn Bà Trần Thị Th phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự không có giá ngạch, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 56.400.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0012297 ngày 08/5/2023 tại Chi cục Thi hành dân sự thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Bà Th được trả lại số tiền 56.100.000 đồng còn lại.

Bị đơn ông Nguyễn Bá T và Bà Nguyễn Thị D phải chịu 112.800.000 đồng.

## 3. Án phí dân sự phúc thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Bá T phải chịu số tiền 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0004015 ngày 10/01/2024 Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ch, tỉnh Bình Phước.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

**Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.**

### *Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Tòa án ND thị xã Ch ;
- VKSND thị xã Ch ;
- Chi Cục THADS thị xã Ch ;
- Lưu: hồ sơ vụ án, Văn thư, Tổ HC-TP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Thảo**









